

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

PHẦN I: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Thuận lợi - khó khăn:

- Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục biến động tăng do nguồn cung sụt giảm đồng thời cạnh tranh thu gom nguyên liệu giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tài chính của Công ty sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghẹ từ ghẹ nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;
- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;
- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

2. Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

a. Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2018 tương đối ổn định, Công ty vẫn duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực. Thị trường cá ngừ xuất khẩu vẫn duy trì ở mức giá thấp, nguồn cung nguyên liệu giảm;
- Đối với thị trường Châu Âu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do EU cảnh cáo thẻ vàng từ năm 2017 về việc khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt;



- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác như: ghẹ tương đối ổn định nhưng phải cạnh tranh về giá bán, giá nguyên liệu bạch tuộc tăng cao do sản lượng đánh bắt giảm làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Năm 2018 thị trường đùi ếch có cơ hội mở rộng do Công ty trở lại khai thác thị trường Mỹ sau một thời gian dài gián đoạn.

b. Về gia công:

- Hoạt động gia công ổn định tuy nhiên cũng gặp phải các khó khăn do khách hàng đòi hỏi việc giám sát và xây dựng bộ máy quản lý ở mức độ cao, linh hoạt; hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm ngày càng cao;
- Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công nước ngoài truyền thống: cá hồi đông lạnh, cá Saba đông lạnh, nội địa;
- Nhóm khách hàng gia công nội địa ổn định tuy nhiên sản lượng không cao do khách hàng vẫn khó khăn tìm nguồn nguyên liệu.

c. Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được tinh gọn phù hợp chức trách được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tìm cơ hội tiếp cận thêm các nhóm khách hàng;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp;
- Thực hiện kinh doanh các mặt hàng có lợi nhuận, mở rộng các kênh phân phối.

Năm 2018 mặc dù gặp nhiều khó khăn và thách thức, Ban Tổng Giám Đốc đã kịp thời điều chỉnh linh hoạt các phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao.

3. Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2018, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghẹ, cá ngừ, biến động liên tục do sản lượng đánh bắt giảm do các điều kiện tự nhiên và các nguyên nhân khách quan khác. Sản lượng nguyên liệu Cá ngừ năm 2018 là: 3.013 tấn giảm gần 30% so với năm 2017 (3.909,2 tấn);
- Đứng trước tình hình đó, Nhà máy liên tục theo dõi và điều chỉnh lại chính sách giá hợp lý để duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng, thông qua các kênh thông tin để tiếp cận tìm kiếm thêm khách hàng mới. Giữ vững các thị trường truyền thống xây dựng mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng lâu năm;
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật lâu năm: cá hồi, cá Saba, cũng như các khách hàng gia công trong nước;
- Tổng sản lượng: 6.172,38 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.812,03 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.360,35 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 13,02 triệu USD bằng 100% năm 2017.
 - Doanh thu toàn Nhà máy: 386,092 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 16,69 tỷ đồng.

b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- CN Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đùì ếch, bạch tuộc, ghe.
- Sản lượng sản xuất: 1.384,82 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 6,27 triệu USD bằng 109% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,76 tỷ đồng.

c. Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2018:
 - Doanh thu thực hiện: 11,05 tỷ đồng bằng 117% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,77 tỷ đồng.

4. Kết quả thực hiện năm 2018 và dự kiến kế hoạch năm 2019:

a. Kết quả thực hiện năm 2018:

| Nội dung | ĐVT | Kế hoạch 2018 | Thực hiện các năm | | So sánh (%) | |
|---|-----------|------------------|-------------------|----------|-------------|---------|
| | | | 2018 | 2017 | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| I. NHÀ MÁY SEASPIMEX | | | | | | |
| 1. Doanh số xuất khẩu | Triệu USD | 13,97 | 13,02 | 13,06 | 93 | 99,7 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đồng | 447,08 | 386,09 | 379,18 | 86 | 101,8 |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 3.384,00 | 2.812,03 | 2.895,38 | 83 | 97,1 |
| 4. Gia công | Tấn | 3.250,00 | 3.360,35 | 3.238,84 | 103 | 103,8 |
| II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI | | | | | | |
| 1. Doanh số xuất khẩu | Triệu USD | 5,34 | 6,27 | 5,76 | 117 | 108,9 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đồng | 155,08 | 193,03 | 180,49 | 124 | 107,0 |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 1.150,00 | 1.384,82 | 1.313,10 | 120 | 105,5 |
| III. CHI NHÁNH HÀ NỘI | | | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 11,33 | 11,05 | 9,44 | 98 | 117,0 |
| IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên) | | | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 613,50 | 590,17 | 569,10 | 96 | 103,7 |
| 2. Sản lượng sản xuất | Tấn | 4.534,00 | 4.196,85 | 4.208,50 | 93 | 99,7 |
| 3. Gia công | Tấn | 3.250,00 | 3.360,35 | 3.238,80 | 103 | 103,8 |
| 4. Lợi nhuận | Tỷ đồng | 15,00 | 22,22 | 15,74 | 148 | 141,2 |



b. Kế hoạch năm 2019:

| Nội dung | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | |
|---|-----------|--------------------|-------------------|---------------------|
| | | | Giá trị | S. sánh KH/2018 (%) |
| I. NHÀ MÁY SEASPIMEX | | | | |
| 1. Doanh số xuất khẩu | Triệu USD | 13,02 | 14,30 | 110 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đồng | 386,09 | 424,70 | 110 |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 2.812,03 | 2.815,00 | 100 |
| 4. Gia công | Tấn | 3.360,35 | 3.539,00 | 105 |
| II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI | | | | |
| 1. Doanh số xuất khẩu | Triệu USD | 6,27 | 6,90 | 110 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đồng | 193,03 | 212,30 | 110 |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 1.384,82 | 1.385,00 | 100 |
| III. CHI NHÁNH HÀ NỘI | | | | |
| 1. Doanh thu | Tỷ đồng | 11,05 | 12,16 | 110 |
| IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên) | | | | |
| 1. Doanh số xuất khẩu | Triệu USD | 19,29 | 21,20 | 110 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đồng | 590,17 | 649,16 | 110 |
| 3. Sản lượng sản xuất | Tấn | 4.196,85 | 4.200,00 | 100 |
| 4. Gia công | Tấn | 3.360,35 | 3.539,00 | 105 |

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:**1. Thuận lợi và khó khăn:****a. Thuận lợi:**

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài;
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề;
- Nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm do khai thác quá mức của các năm trước đây, ngư trường bị thu hẹp và chi phí tăng cao ngư dân ít đi biển hoặc chuyển sang khai thác các loài khác.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Theo dự báo năm 2019 sẽ là năm tiếp tục đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình này, Ban Tổng Giám Đốc đã hoạch định chỉ tiêu chính cho năm 2019 như sau:

| STT | Các thành viên | Doanh thu (tỷ đồng) | Xuất khẩu (triệu USD) | Sản xuất (tấn) | Gia công (tấn) |
|------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|----------------|----------------|
| 1 | Nhà máy Seaspimex | 424,70 | 14,30 | 2.815 | 3.539 |
| 2 | Chi nhánh Ba Tri | 212,30 | 6,90 | 1.385 | |
| 3 | Chi nhánh Hà Nội | 12,16 | | | |
| Tổng cộng | | 649,16 | 21,20 | 4.200 | 3.539 |

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2019: 16,5 tỷ đồng (lợi nhuận trước thuế)


3. Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất;
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao đặc biệt thị ghe đóng hộp thanh trùng;
- Giữ vững thị phần và tìm giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường nội địa;
- Từng bước nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng chính sách để thu hút nguồn lao động phổ thông theo kịp tốc độ gia tăng sản xuất của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT. 



LÊ CÔNG ĐỨC